

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT**  
(Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022)

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- Tên công ty niêm yết: **Công ty CP Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội – Kinh Bắc**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Lô TT03 KĐT Hải Đăng city, ngõ 2 phố Hàm Nghi, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0243.7877290 Fax: 0243.7877291
- Email: admin@hkb.com.vn
- Vốn điều lệ: 515.999.990.000 đồng (Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).
- Mã chứng khoán: HKB
- Mô hình quản trị công ty:  
+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày     | Nội dung                                                   |
|-----|--------------------------|----------|------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ         | 7/6/2022 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, 2022 |
| 2   |                          |          |                                                            |

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)**

**1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):**

| Stt | Thành viên HĐQT  | Chức vụ         | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập |                 |
|-----|------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                  |                 | Ngày bổ nhiệm                                           | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Dương Quang Lư   | Chủ tịch HĐQT   | 28/06/2019                                              |                 |
| 2   | Trương Danh Hùng | Thành Viên HĐQT | 28/06/2019                                              |                 |
| 3   | Trần Đình Dũng   | Thành Viên HĐQT |                                                         | 7/6/2022        |

|   |                |                 |            |          |
|---|----------------|-----------------|------------|----------|
| 4 | Uông Huy Đông  | Thành Viên HĐQT | 28/06/2019 |          |
| 5 | Đỗ Dương Thông | Thành Viên HĐQT | 28/06/2019 |          |
| 6 | Hoàng Tuấn Anh | Thành Viên HĐQT |            | 7/6/2022 |

2. Các cuộc họp HĐQT:

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | 5               | 2                        | 100%              |                         |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- Theo dõi giám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Đánh giá, góp ý kiến vào các hoạt động của Ban điều hành như: Hoạt động xuất nhập khẩu, đầu tư, tài chính....
- Chỉ đạo Ban điều hành về tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2022.
- Định hướng chiến lược phát triển công ty giai đoạn từ 2020 -:- 2030

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày      | Nội dung                                                                               | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | 02/2022/NQ-HĐQT           | 18/4/2022 | Triệu tập đại hội cổ đông thường niên năm 2021 và đại hội cổ đông thường niên năm 2022 | 100%            |
|     | 01/2022/NQ-HĐQT           | 22/6/2022 | Ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2022                                                    | 100%            |

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| Stt | Thành viên BKS   | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|------------------|------------|------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Dương Danh Quân  | Trưởng ban | 7/6/2022                                 | Cử nhân kinh tế     |
| 2   | Bùi Thuỳ Anh     | Thành viên | 28/06/2019                               | Cử nhân             |
| 3   | Nguyễn Huy Hoàng | Trưởng ban | 20/07/2018                               | Cử nhân kinh tế     |
| 4   | Phạm Thị Hải An  | Thành viên | 7/6/2022                                 | Cử nhân kinh tế     |

2. Cuộc họp của BKS

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
|     |                |                     |                   |                  |                         |

**3. Hoạt động giám sát của BKS:**

- Kiểm tra giám sát việc chấp hành, tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tham gia đầy đủ và đóng góp các ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT cũng như các cuộc họp giao ban giữa tuần giữa HĐQT và Ban điều hành.

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Trong 6 tháng đầu năm Ban kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành của Công ty.

- HĐQT, ban điều hành thương xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin cũng như hoạt động giám sát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

**5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có):** Không có

**IV. Ban điều hành:**

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | Dương Quang Lư           | 28/7/1973           | Cử nhân kinh tế     |                                                     |
| 2   | Trương Danh Hùng         | 18/11/1970          | Cử nhân kinh tế     | 4/4/2017                                            |
| 3   | Uông Huy Đông            | 25/12/1975          | Cử nhân             | 12/5/2020                                           |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên    | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|--------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
| Lê Văn Quang | 22/12/1982          | Cử nhân kinh tế               | 22/6/2017                 |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: *không có*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:**

**1. Danh sách về người có liên quan của công ty**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)     | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp         | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|---------------------|-----------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| I   | Dương Quang Lư      |                                         | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc | CMND: 013339501 Công an Hà Nội cấp ngày | P.905 CT1,2 KĐT Mễ Trì Hạ, P.Mễ Trì,  | 2015                                    |                                           |       |                                   |

|    |                          |  |                      |                                                                    |                                                                             |          |  |  |  |
|----|--------------------------|--|----------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|--|
|    |                          |  |                      | 28/9/2010                                                          | Q.Nam Từ<br>Liên Hà<br>Nội                                                  |          |  |  |  |
| 1  | Dương<br>Quang<br>Giao   |  | Bố                   | CMND:<br>121195850 do<br>Công an Bắc<br>Ninh cấp ngày<br>27/7/1993 | Tân Chi<br>Tiên Du<br>Bắc Ninh                                              |          |  |  |  |
| 2  | Bùi Thị<br>Thanh<br>Loan |  | Vợ                   | CMND:<br>012835064 do<br>Công an Hà<br>Nội cấp ngày<br>14/10/2005  | P.905 CT1,2<br>KĐT Mễ<br>Trì Hạ,<br>P.Mễ Trì,<br>Q.Nam Từ<br>Liên Hà<br>Nội |          |  |  |  |
| 3  | Dương<br>Thu Trang       |  | Con                  | Số hộ chiếu:<br>1199000950<br>Cục XNC cấp                          | P.905 CT1,2<br>KĐT Mễ<br>Trì Hạ,<br>P.Mễ Trì,<br>Q.Nam Từ<br>Liên Hà<br>Nội |          |  |  |  |
| 4  | Dương<br>Minh<br>Quang   |  | Con                  | Chưa cấp                                                           | P.905 CT1,2<br>KĐT Mễ<br>Trì Hạ,<br>P.Mễ Trì,<br>Q.Nam Từ<br>Liên Hà<br>Nội |          |  |  |  |
| 5  | Dương<br>Thị<br>Nguyệt   |  | Chị gái              | CMND:<br>120830100 do<br>Công an Bắc<br>Ninh cấp ngày<br>27/9/2013 | Tân Chi<br>Tiên Du<br>Bắc Ninh                                              |          |  |  |  |
| 6  | Dương<br>Thị Lự          |  | Chị gái              | CMND:<br>125141555 do<br>Công an Bắc<br>Ninh cấp ngày<br>17/5/2001 | Tân Chi<br>Tiên Du<br>Bắc Ninh                                              |          |  |  |  |
| 7  | Dương<br>Quang<br>Long   |  | Anh trai             | CMND:<br>125539535 do<br>Công an Bắc<br>Ninh cấp ngày<br>02/1/2009 | Tân Chi<br>Tiên Du<br>Bắc Ninh                                              |          |  |  |  |
| 8  | Dương<br>Quang Cừ        |  | Em Trai              | CMND:<br>125518351 do<br>Công an Bắc<br>Ninh cấp ngày<br>14/7/2009 | Tân Chi<br>Tiên Du<br>Bắc Ninh                                              |          |  |  |  |
| II | Trương<br>Danh<br>Hùng   |  | TV HĐQT<br>- phó TGD | CMND:<br>012954405 do<br>Công an Hà<br>Nội cấp ngày<br>13/4/2014   | 34/361<br>Trường<br>Chính<br>Thanh<br>xuân Hà<br>Nội                        | 4/4/2017 |  |  |  |
| 1  | Ngô Thị<br>Ngọc Ánh      |  | Vợ                   | CMND:<br>012693431 do<br>Công an Hà<br>Nội cấp ngày<br>24/7/2010   | 34/361<br>Trường<br>Chính<br>Thanh xuân<br>Hà Nội                           |          |  |  |  |

|     |                        |  |                    |                                                                                    |                                                     |           |  |  |  |
|-----|------------------------|--|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------|--|--|--|
| 2   | Trương Mỹ Nhi          |  | Con                | Chưa cấp                                                                           | 34/361<br>Trường Chính<br>Thanh xuân<br>Hà Nội      |           |  |  |  |
| 3   | Trương Diệu Anh        |  | Con                | Chưa cấp                                                                           | 34/361<br>Trường Chính<br>Thanh xuân<br>Hà Nội      |           |  |  |  |
| 4   | Trương Danh Hạng       |  | Bố                 | CMND:<br>170020526 do<br>Công an Thanh<br>hoá cấp<br>3/10/2013                     | 3/14 Lê<br>Thần Tông,<br>Đông vệ<br>TP.Thanh<br>Hoá |           |  |  |  |
| 5   | Nguyễn Thị Phương      |  | Mẹ                 | CMND:<br>171623357 do<br>Công an Thanh<br>hoá cấp<br>3/10/2013                     | 3/14 Lê<br>Thần Tông,<br>Đông vệ<br>TP.Thanh<br>Hoá |           |  |  |  |
| 6   | Trương Thị Hà          |  | Chị gái            | CMND:<br>171213692 do<br>Công an Thanh<br>hoá cấp<br>24/1/2017                     | 3/14 Lê<br>Thần Tông,<br>Đông vệ<br>TP.Thanh<br>Hoá |           |  |  |  |
| 7   | Trương Tuấn Hiệp       |  | Em trai            | CMND:<br>171623349 do<br>Công an Thanh<br>hoá cấp<br>26/7/2013                     | 3/14 Lê<br>Thần Tông,<br>Đông vệ<br>TP.Thanh<br>Hoá |           |  |  |  |
| III | Uông Huy Đông          |  | Thành viên<br>HĐQT | CMND:<br>001075003707<br>do cục ĐKQL<br>và DLQG về<br>dân cư cấp<br>ngày 28/1/2015 | Quang<br>Trung Hà<br>Hội<br>Thường<br>Tín Hà Nội    | 28/6/2019 |  |  |  |
| 1   | Uông Huy Phương        |  | Bố                 |                                                                                    | Quang<br>Trung Hà<br>Hội Thường<br>Tín Hà Nội       |           |  |  |  |
| 2   | Lê Thị Ty              |  | Mẹ                 |                                                                                    | Quang<br>Trung Hà<br>Hội Thường<br>Tín Hà Nội       |           |  |  |  |
| 3   | Uông Văn Hạng          |  | Chị gái            | 111209242 do<br>Công an Hà<br>Nội cấp ngày<br>29/2/2012                            | Quang<br>Trung Hà<br>Hội Thường<br>Tín Hà Nội       |           |  |  |  |
| 4   | Uông Thuý Loan         |  | Chị gái            | 001171004114<br>do cục ĐKQL<br>và DLQG về<br>dân cư cấp<br>ngày 22/6/2015          | Quang<br>Trung Hà<br>Hội Thường<br>Tín Hà Nội       |           |  |  |  |
| 5   | Uông Huy Giang         |  | Em trai            | 111461798 do<br>Công an Hà<br>Nội cấp ngày<br>09/9/2011                            | Quang<br>Trung Hà<br>Hội Thường<br>Tín Hà Nội       |           |  |  |  |
| 6   | Nguyễn Thị Nguyệt Minh |  | Vợ                 | 001187024766<br>do cục QLHC<br>về TTXH cấp<br>ngày 13/3/2019                       | Quang<br>Trung Hà<br>Hội Thường<br>Tín Hà Nội       |           |  |  |  |

1.04  
CÔ  
CÔ  
NG  
TH  
HÀ N  
TƯ

|    |                               |  |                            |                                                                                                |                                                                                            |                  |  |  |  |
|----|-------------------------------|--|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|--|--|
| 7  | Uông Huy<br>Hoàng<br>Vân      |  | Con                        |                                                                                                | Quang<br>Trung Hà<br>Hội Thương<br>Tin Hà Nội                                              |                  |  |  |  |
| IV | <b>Đỗ<br/>Dương<br/>Thông</b> |  | <b>Thành viên<br/>HDQT</b> | <b>173347667 do<br/>Công an<br/>Thanh Hoá<br/>cấp ngày<br/>5/7/2012</b>                        | <b>Xuân Thuỷ<br/>Cầu Giấy<br/>Hà Nội</b>                                                   | <b>28/6/2019</b> |  |  |  |
| 1  | Đỗ Quyết<br>Thắng             |  | Bố                         | 170374131 do<br>công an Thanh<br>hoá cấp ngày<br>28/2/2005                                     | Xuân Thuỷ<br>Cầu Giấy<br>Hà Nội                                                            |                  |  |  |  |
| 2  | Dương<br>Thị Văn              |  | Mẹ                         | 170195596 do<br>công an Thanh<br>hoá cấp ngày<br>24/7/2009                                     | Xuân Thuỷ<br>Cầu Giấy<br>Hà Nội                                                            |                  |  |  |  |
| 3  | Đỗ Dương<br>Tùng              |  | Anh Trai                   | 03808701002<br>do công an<br>Thanh hoá cấp<br>ngày 21/5/2018                                   | Xuân Thuỷ<br>Cầu Giấy<br>Hà Nội                                                            |                  |  |  |  |
| 4  | Nguyễn<br>Ngọc<br>Thanh       |  | Chị dâu                    | 038190005957<br>do Cục ĐKQL<br>cư trú và<br>DLQG về dân<br>cư cấp ngày<br>12/6/2018            | Xuân Thuỷ<br>Cầu Giấy<br>Hà Nội                                                            |                  |  |  |  |
| V  | <b>Hoàng<br/>Tuấn Anh</b>     |  | <b>Thành viên<br/>HDQT</b> | <b>001086027932<br/>do Cục ĐKQL<br/>cư trú và<br/>DLQG về dân<br/>cư cấp ngày<br/>4/3/2019</b> | <b>Nhà 10 ngõ<br/>1, Nguyễn<br/>Thái Học,<br/>Quang<br/>Trung, Hà<br/>Đông, Hà<br/>Nội</b> | <b>7/6/2022</b>  |  |  |  |
| 1  | Hoàng<br>Anh Độ               |  | Bố                         |                                                                                                | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang<br>Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội              |                  |  |  |  |
| 2  | Ngô Thị<br>Bình               |  | Mẹ                         |                                                                                                | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang<br>Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội              |                  |  |  |  |
| 3  | Hoàng Thị<br>Nguyệt<br>Phương |  | Em gái                     |                                                                                                | Trương<br>Định Hoàng<br>Mai Hà Nội                                                         |                  |  |  |  |
| 4  | Nguyễn<br>Thị Thanh<br>Hà     |  | Vợ                         |                                                                                                | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang<br>Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội              |                  |  |  |  |
| 5  | Hoàng<br>Tuấn Khôi            |  | Con trai                   |                                                                                                | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang                                              |                  |  |  |  |

|     |                        |  |                   |                                                             |                                                                               |           |  |  |  |
|-----|------------------------|--|-------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|--|--|
|     |                        |  |                   |                                                             | Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội                                                  |           |  |  |  |
| 6   | Hoàng Thị<br>Anh Thư   |  | Con gái           |                                                             | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang<br>Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội |           |  |  |  |
| VI  | Lê Văn<br>Quang        |  | Kế toán<br>trưởng | 013365757 Do<br>công an Hà<br>Nội cấp ngày<br>19/11/2010    | TDP Hoàng<br>14 P.Cổ<br>Nhuế 1,<br>Q.Bắc Từ<br>Liêm Hà<br>Nội                 | 22/6/2017 |  |  |  |
| 1   | Lê Gia<br>Lâm          |  | Bố                | 173752112 do<br>công an Thanh<br>Hoá cấp ngày<br>29/12/2008 | 02 Tô Hiến<br>Thành,<br>P.Điện<br>Biên,<br>TP.Thanh<br>Hoá                    |           |  |  |  |
| 2   | Trần Thị<br>Thư        |  | Mẹ                | 170266137 do<br>Công an Thanh<br>Hoá cấp<br>2/12/2009       | 02 Tô Hiến<br>Thành,<br>P.Điện<br>Biên,<br>TP.Thanh<br>Hoá                    |           |  |  |  |
| 3   | Lê Thành<br>Vinh       |  | Em trai           | 172010985 do<br>Công an Thanh<br>Hoá cấp<br>2/1/2007        | 58 Nguyễn<br>Du Hà Nội                                                        |           |  |  |  |
| 4   | Hoàng Thị<br>Quyên     |  | Vợ                | 172436999 do<br>công an thanh<br>hoá cấp ngày<br>14/6/2002  | TDP Hoàng<br>14 P.Cổ<br>Nhuế 1,<br>Q.Bắc Từ<br>Liêm Hà<br>Nội                 |           |  |  |  |
| 5   | Lê Hoàng<br>Gia Huy    |  | Con               | Chưa có                                                     | TDP Hoàng<br>14 P.Cổ<br>Nhuế 1,<br>Q.Bắc Từ<br>Liêm Hà<br>Nội                 |           |  |  |  |
| 6   | Lê Minh<br>Hoàng       |  | Con               | Chưa có                                                     | TDP Hoàng<br>14 P.Cổ<br>Nhuế 1,<br>Q.Bắc Từ<br>Liêm Hà<br>Nội                 |           |  |  |  |
| VII | Nguyễn<br>Huy<br>Hoàng |  | Trưởng<br>ban KS  | 011859007 do<br>Công an Hà<br>Nội cấp<br>26/5/2012          | P.Phú Diễn,<br>Q.Bắc Từ<br>Liêm Hà<br>Nội                                     | 20/7/2018 |  |  |  |
| 1   | Nguyễn<br>Văn Hoa      |  | Bố                | 010466216 Do<br>công an Hà Nội<br>cấp 26/2/2010             | P.Phú Diễn,<br>Q.Bắc Từ<br>Liêm Hà<br>Nội                                     |           |  |  |  |
| 2   | Ngô Thị<br>Nhàn        |  | Mẹ                | 010466260 do<br>Công an Hà<br>Nội cấp<br>7/4/2006           | P.Phú Diễn,<br>Q.Bắc Từ<br>Liêm Hà<br>Nội                                     |           |  |  |  |

|      |                      |  |                |                                                              |                                                                   |           |  |  |  |
|------|----------------------|--|----------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------|--|--|--|
| 3    | Nguyễn Thị Mai Hương |  | Em gái         | 011821562 do công an Hà Nội cấp 30/6/2005                    | P.Phú Diễn, Q.Bắc Từ Liêm Hà Nội                                  |           |  |  |  |
| 4    | Nguyễn Thanh Huyền   |  | Vợ             | 0011820000257 Do Cục CS ĐKQL và DLQG về dân cư cấp 12/5/2015 | P.Phú Diễn, Q.Bắc Từ Liêm Hà Nội                                  |           |  |  |  |
| VIII | Bùi Thuý Anh         |  | Thành viên BKS | 152084793 do Công an Thái Bình cấp 6/6/2010                  | Cầu Giấy Hà Nội                                                   | 28/6/2019 |  |  |  |
| 1    | Bùi Đình Văn         |  | Bố             | 34071004972 Do công an Thái Bình cấp 26/5/2017               | Diêm Điền Thái Thụy Thái Bình                                     |           |  |  |  |
| 2    | Vũ Thị Hương         |  | Mẹ             | 151632412 Do công an Thái Bình cấp 7/3/2003                  | Diêm Điền Thái Thụy Thái Bình                                     |           |  |  |  |
| 3    | Bùi Quang Anh        |  | Em             | 34071004972 do Công an thái Bình cấp 31/3/2016               | Diêm Điền Thái Thụy Thái Bình                                     |           |  |  |  |
| 4    | Vũ Trọng Phương      |  | Chồng          | 141945598 do công an Thái Bình cấp ngày 22/8/2013            | Cầu Giấy Hà Nội                                                   |           |  |  |  |
| IX   | Phạm Thị Hải An      |  | Thành viên BKS | 186062001 do Công an Nghệ An cấp ngày 14/8/2017              | Chung cư Rice city Sông Hồng, P.Thượng Thanh, Q.Long Biên, Hà Nội | 7/6/2022  |  |  |  |
| 1    | Phạm Thuý Thư        |  | Bố đẻ          |                                                              | Xóm 1, Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu, Nghệ An                               |           |  |  |  |
| 2    | Phan Thị Minh        |  | Mẹ đẻ          |                                                              | Xóm 1, Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu, Nghệ An                               |           |  |  |  |
| 3    | Phạm Thuý Giang      |  | Anh trai       |                                                              | Xóm 3, Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu, Nghệ An                               |           |  |  |  |
| 4    | Phạm Văn Phong       |  | Anh Trai       |                                                              | Quỳnh Tân, Quỳnh Lưu, Nghệ An                                     |           |  |  |  |
| 5    | Phạm Thuý Hoàng      |  | Anh trai       |                                                              | Xóm 1, Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu, Nghệ An                               |           |  |  |  |

|   |                |  |          |  |                                                                                                   |  |  |  |  |
|---|----------------|--|----------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 6 | Trần Xuân Hậu  |  | Chồng    |  | Số 1208<br>Chung cư<br>Rice city<br>Sông Hồng,<br>P.Thượng<br>Thanh,<br>Q.Long<br>Biên, Hà<br>Nội |  |  |  |  |
| 7 | Trần Xuân Đăng |  | Con trai |  | Số 1208<br>Chung cư<br>Rice city<br>Sông Hồng,<br>P.Thượng<br>Thanh,<br>Q.Long<br>Biên, Hà<br>Nội |  |  |  |  |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                     |                                   |                                     |                                       |                                 |                                                                                       |                                            |         |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: **Không có**

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                           |                          |                  |                                     |         |                                                      |                     |                                            |         |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác.

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

| Stt | Họ tên             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)     | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ                                           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1   | Dương Quang Lư     |                                          | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 013339501                            | P.905 CT1,2 KĐT Mễ Trì Hạ, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm Hà Nội | 9.546.000                  | 18,5%                         |         |
|     | Dương Quang Giao   |                                          | Bố                               | 121195850                            | Tân Chi Tiên Du Bắc Ninh                                  |                            |                               |         |
|     | Bùi Thị Thanh Loan |                                          | Vợ                               | 012835064                            | P.905 CT1,2 KĐT Mễ Trì Hạ, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm Hà Nội |                            |                               |         |
|     | Dương Thu Trang    |                                          | Con                              | 1199000950                           | P.905 CT1,2 KĐT Mễ Trì Hạ, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm Hà Nội |                            |                               |         |
|     | Dương Quang Minh   |                                          | Con                              | Chưa cấp                             | P.905 CT1,2 KĐT Mễ Trì Hạ, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm Hà Nội |                            |                               |         |
|     | Dương Thị Nguyệt   |                                          | Chị gái                          | 120830100                            | Tân Chi Tiên Du Bắc Ninh                                  |                            |                               |         |
|     | Dương Thị Lự       |                                          | Chị gái                          | 125141555                            | Tân Chi Tiên Du Bắc Ninh                                  |                            |                               |         |
|     | Dương Quang Long   |                                          | Anh trai                         | 125539535                            | Tân Chi Tiên Du Bắc Ninh                                  |                            |                               |         |
|     | Dương Quang Cừ     |                                          | Em trai                          | 125518351                            | Tân Chi Tiên Du Bắc Ninh                                  |                            |                               |         |
| 2   | Uông Huy Đông      |                                          | Thành viên HĐQT                  | 001075003707                         | Quang Trung Hà Hồi Thường Tín Hà Nội                      | 2.273.200                  | 4,4%                          |         |
|     | Uông Huy Phương    |                                          | Bố                               |                                      | Quang Trung Hà Hồi Thường Tín Hà Nội                      |                            |                               |         |
|     | Lê Thị Ty          |                                          | Mẹ                               |                                      | Quang Trung Hà Hồi Thường Tín Hà Nội                      |                            |                               |         |

|   |                         |                                  |                  |                                              |                 |       |  |
|---|-------------------------|----------------------------------|------------------|----------------------------------------------|-----------------|-------|--|
|   | Uông Văn Hạng           | Chị gái                          | 111209242        | Quang Trung Hà Hồi Thường Tín Hà Nội         |                 |       |  |
|   | Uông Thuý Loan          | Chị gái                          | 001171004114     | Quang Trung Hà Hồi Thường Tín Hà Nội         |                 |       |  |
|   | Uông Huy Giang          | Em trai                          | 111461798        | Quang Trung Hà Hồi Thường Tín Hà Nội         | 1.360.000       | 2,63% |  |
|   | Nguyễn Thị Nguyệt Minh  | Vợ                               | 001187024766     | Quang Trung Hà Hồi Thường Tín Hà Nội         |                 |       |  |
|   | Uông Huy Hoàng Văn      | Con                              |                  | Quang Trung Hà Hồi Thường Tín Hà Nội         |                 |       |  |
| 3 | <b>Trương Danh Hùng</b> | <b>Thành viên HĐQT – phó TGD</b> | <b>012954405</b> | <b>34/364 Trường Chinh Thanh Xuân Hà Nội</b> | <b>Không có</b> |       |  |
|   | Ngô Thị Ngọc Ánh        | Vợ                               | 012693431        | 34/364 Trường Chinh Thanh Xuân Hà Nội        |                 |       |  |
|   | Trương Mỹ Nhi           | Con                              | Chưa có          | 34/364 Trường Chinh Thanh Xuân Hà Nội        |                 |       |  |
|   | Trương Diệu Anh         | Con                              | Chưa có          | 34/364 Trường Chinh Thanh Xuân Hà Nội        |                 |       |  |
|   | Trương Danh Hạng        | Bố                               | 170020526        | 3/14 Lê Thần Tông, Đông vệ TP. Thanh Hoá     |                 |       |  |
|   | Nguyễn Thị Phụng        | Mẹ                               | 171623357        | 3/14 Lê Thần Tông, Đông vệ TP. Thanh Hoá     |                 |       |  |
|   | Trương Thị Hà           | Chị gái                          | 171213692        | 3/14 Lê Thần Tông, Đông vệ TP. Thanh Hoá     |                 |       |  |
|   | Trương Tuấn Hiệp        | Em trai                          | 171623349        | 3/14 Lê Thần Tông, Đông vệ TP. Thanh Hoá     |                 |       |  |
| 4 | <b>Đỗ Dương Thông</b>   | <b>Thành viên HĐQT</b>           | <b>173347667</b> | <b>Xuân Thuý Cầu Giấy Hà Nội</b>             | <b>Không có</b> |       |  |
|   | Đỗ Quyết Thắng          | Bố                               | 170374131        | Xuân Thuý Cầu Giấy Hà Nội                    |                 |       |  |
|   | Dương Thị Vân           | Mẹ                               | 170195596        | Xuân Thuý Cầu Giấy Hà Nội                    |                 |       |  |

|   |                                |  |                    |              |                                                                               |          |  |  |
|---|--------------------------------|--|--------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|
|   | Đỗ Dương<br>Tùng               |  | Anh trai           | 03818701002  | Xuân Thủy<br>Cầu Giấy Hà<br>Nội                                               |          |  |  |
|   | Nguyễn<br>Ngọc<br>Thanh        |  | Chị dâu            | 038190005957 | Xuân Thủy<br>Cầu Giấy Hà<br>Nội                                               |          |  |  |
| 5 | Hoàng<br>Tuấn Anh              |  | Thành viên<br>HĐQT | 001086027932 | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang<br>Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội | Không có |  |  |
|   | Hoàng Anh<br>Độ                |  | Bố                 |              | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang<br>Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội |          |  |  |
|   | Ngô Thị<br>Bình                |  | Mẹ                 |              | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang<br>Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội |          |  |  |
|   | Hoàng Thị<br>Nguyệt<br>Phương* |  | Em gái             |              | Trương Định<br>Hoàng Mai<br>Hà Nội                                            |          |  |  |
|   | Nguyễn<br>Thị Thanh<br>Hà      |  | Vợ                 |              | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang<br>Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội |          |  |  |
|   | Hoàng<br>Tuấn Khôi             |  | Con trai           |              | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang<br>Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội |          |  |  |
|   | Hoàng Thị<br>Anh Thư           |  | Con gái            |              | Nhà 10 ngõ<br>1, Nguyễn<br>Thái Học,<br>Quang<br>Trung, Hà<br>Đông, Hà<br>Nội |          |  |  |
| 6 | Lê Văn<br>Quang                |  | Kế toán<br>trưởng  | 013365757    | TDP Hoàng<br>14 Cổ Nhuế<br>1 Bắc từ<br>liêm Hà Nội                            | Không có |  |  |
|   | Lê Gia<br>Lâm                  |  | Bố                 | 173752112    | 02 Tô Hiến<br>Thành<br>P.Điện Biên<br>TP.Thanh<br>Hoá                         |          |  |  |

|   |                  |  |                |           |                                                                                                                  |          |  |  |
|---|------------------|--|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|
|   | Trần Thị Thư     |  | Mẹ             | 170266137 | 02 Tô Hiến Thành<br>P.Điện Biên<br>TP.Thanh Hoá                                                                  |          |  |  |
|   | Lê Thành Vinh    |  | Em trai        | 172010985 | 58 Nguyễn Du Hà Nội                                                                                              |          |  |  |
|   | Hoàng Thị Quyên  |  | Vợ             | 172436999 | TDP Hoàng 14 Cô nhuế 1<br>Bắc từ liêm Hà Nội                                                                     |          |  |  |
|   | Lê Hoàng Gia Huy |  | Con            |           | TDP Hoàng 14 Cô nhuế 1<br>Bắc từ liêm Hà Nội                                                                     |          |  |  |
|   | Lê Minh Hoàng    |  | Con            |           | TDP Hoàng 14 Cô nhuế 1<br>Bắc từ liêm Hà Nội                                                                     |          |  |  |
| 7 | Phạm Thị Hải An  |  | Thành viên BKS | 186062001 | <b>Số 1208<br/>Chung cư<br/>Rice city<br/>Sông Hồng,<br/>P.Thượng<br/>Thanh,<br/>Q.Long<br/>Biên, Hà<br/>Nội</b> | Không có |  |  |
|   | Phạm Thuy Thư    |  | Bố             |           | Xóm 1,<br>Quỳnh Bá,<br>Quỳnh Lưu<br>Nghệ An                                                                      |          |  |  |
|   | Phan Thị Minh    |  | Mẹ             |           | Xóm 1,<br>Quỳnh Bá,<br>Quỳnh Lưu<br>Nghệ An                                                                      |          |  |  |
|   | Phạm Thuy Giang  |  | Anh trai       |           | Xóm 3,<br>Quỳnh Bá,<br>Quỳnh Lưu<br>Nghệ An                                                                      |          |  |  |
|   | Phạm Văn Phong   |  | Anh trai       |           | Quỳnh Tân,<br>Quỳnh Lưu<br>Nghệ An                                                                               |          |  |  |
|   | Phạm Thuy Hoàng  |  | Anh trai       |           | Xóm 1,<br>Quỳnh Bá,<br>Quỳnh Lưu<br>Nghệ An                                                                      |          |  |  |
|   | Trần Xuân Hậu    |  | Chồng          |           | Số 1208<br>Chung cư<br>Rice city<br>Sông Hồng,<br>P.Thượng<br>Thanh,<br>Q.Long<br>Biên, Hà Nội                   |          |  |  |
|   | Trần Xuân Đăng   |  | Con trai       |           | Số 1208 CC<br>Rice city<br>Sông Hồng,<br>P.Thượng<br>Thanh,<br>Q.Long<br>Biên, Hà Nội                            |          |  |  |

|   |                      |  |                          |               |                               |          |  |  |
|---|----------------------|--|--------------------------|---------------|-------------------------------|----------|--|--|
| 8 | Nguyễn Huy Hoàng     |  | Trưởng ban kiểm soát     | 011859007     | Phú Diễm Bắc Từ Liêm Hà Nội   | Không có |  |  |
|   | Nguyễn Văn Hoa       |  | Bố                       | 010466216     | Phú Diễm Bắc Từ Liêm Hà Nội   |          |  |  |
|   | Ngô Thị Nhân         |  | Mẹ                       | 010466260     | Phú Diễm Bắc Từ Liêm Hà Nội   |          |  |  |
|   | Nguyễn Thị Mai Hương |  | Em gái                   | 011821562     | Phú Diễm Bắc Từ Liêm Hà Nội   |          |  |  |
|   | Nguyễn Thanh Huyền   |  | Vợ                       | 0011820000257 | Phú Diễm Bắc Từ Liêm Hà Nội   |          |  |  |
| 9 | Bùi Thuỷ Anh         |  | Thành viên ban kiểm soát | 152084793     | Cầu Giấy Hà Nội               | Không có |  |  |
|   | Bùi Đình Văn         |  | Bố                       | 34071004972   | Diêm Điền Thái Thụy Thái Bình |          |  |  |
|   | Vũ Thị Hương         |  | Mẹ                       | 151632412     | Diêm Điền Thái Thụy Thái Bình |          |  |  |
|   | Bùi Quang Anh        |  | Em trai                  |               | Diêm Điền Thái Thụy Thái Bình |          |  |  |
| 2 | Vũ Trọng Phương      |  | Chồng                    | 141945598     | Cầu Giấy Hà Nội               |          |  |  |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: **Không có**

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
|     |                           |                          |                           |       |                            |       |                                                    |

#### IX. Các vấn đề cần lưu ý khác

##### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT ....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM  
HÀ NỘI - KINH BẮC  
HÀ NỘI - T. P. HÀ NỘI  
Dương Quang Lư